CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT
Date: 2026.11.27 14:50:50 +07'00'

VCAM
VIET CAPITAL ASSET MANAGEMENT

Phụ lục XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng
(Ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

1.	**Tên Công ty quản lý quỹ:** *Fund Management Company:*	**Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt** *Viet Capital Asset Management JSC*
2.	**Tên Ngân hàng giám sát:** *Supervising bank:*	**Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa** *Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch*
3.	**Tên Quỹ:** *Fund name:*	**QUỸ ETF VCAM GROWTH VNDIVIDEND** *VCAM GROWTH VNDIVIDEND ETF*
4.	**Mã chứng khoán:** *Securities code:*	**FUEVCDIV**
5	**Kỳ báo cáo:** *Reporting Period:*	**Từ 20/11/2026 đến 26/11/2026** *From 20-Nov-2026 to 26-Nov-2026*
6.	**Ngày lập báo cáo:** *Reporting Date:*	**27/11/2026** *27-Nov-2026*

Đơn vị tính: VND
Unit: VND

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD 26/11/2026	KỲ BÁO CÁO TRƯỚC LAST PERIOD 19/11/2026
I	**Giá trị tài sản ròng (NAV)**	-	-
1	**Giá trị tài sản ròng đầu kỳ**	-	-
1.1	*của quỹ/per Fund*	60,834,908,681	63,440,180,982
1.2	*của một lô chứng chỉ quỹ/per lot of Fund certificate*	856,829,699	893,523,675
1.3	*của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate*	8,568.29	8,935.23
2	**Giá trị tài sản ròng cuối kỳ**	-	-
2.1	*của quỹ/per Fund*	58,946,249,288	60,834,908,681
2.2	*của một lô chứng chỉ quỹ/per lot of Fund certificate*	830,228,863	856,829,699
2.3	*của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate*	8,302.28	8,568.29
3	**Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó:**	-	-
3.1	*Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ*	(1,888,659,393)	(2,605,272,301)
3.2	*Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ*	-	-
3.2.1	*Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ*	-	-
3.2.2	*Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ*	-	-
4	**Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước**	-266.01	-366.94
5	**Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất**	-	-
5.1	*Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)*	66,223,592,290	66,223,592,290
5.2	*Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)*	58,946,249,288	60,834,908,681
II	**Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một**	-	-
1	**Giá trị đầu kỳ**	-	-
2	**Giá trị cuối kỳ**	-	-
3	**Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước**	-	-
4	**Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên**	-	-
4.1	*Chênh lệch tuyệt đối (VND)/Absolute difference (VND)*	-	-
4.2	*Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/Relative difference*	-	-
5	**Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất**	-	-
5.1	*Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)*	-	-
5.2	*Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)*	-	-

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Nguyễn Thị Minh Châu
Phó Giám đốc Chi nhánh

Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Bản Việt
Trần Đỗ Quyên
Kế toán trưởng